TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2020
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Hải

2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TÂN T .

Ngày 17 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TÂN T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 51/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 16/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C , sinh năm 1971
Địa chỉ: Ấp Hải H , xã Nhơn H , huyện TÂN T , tỉnh Long An

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Y , sinh năm 1970
Địa chỉ: Ấp Hải H , xã Nhơn H , huyện TÂN T , tỉnh Long An

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn C trình bày nội dung vụ kiện N sau:

Ông C và bà Y cưới nhau năm 1988, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, cùng chăm lo cho cuộc sống gia đình. N ng

khoảng 10 năm nay, giữa ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có nhiều bất hòa, bất đồng quan điểm, vì thương con nên ông cố nhẫn nhịn, tuy nhiên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Hiện nay, ông xác định đời sống chung giữa ông vá bà Y không thể kéo dài, tình cảm không thể hàn gắn được nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Y .

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng N , sinh năm 1989 đã thành niên (đã có gia đình riêng), Nguyễn Thảo N , sinh ngày 1/11/2003. Khi ly hôn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thảo N .

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Bị đơn bà Bùi Thị Y trình bà*y:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Y thống nhất với trình bày của Ông C về việc bà với Ông C chung sống với nhau từ năm 1988, không đăng ký kết hôn. Bà Y trình bày giữa bà và Ông C không có mâu thuẫn gì, bà Y còn tình cảm nên bà Y không đồng ý với yêu cầu của Ông C .

Về con chung: giữa bà Y và Ông C có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng N , sinh năm 1989; Nguyễn Thị Huỳnh N , sinh năm 1989 (N và N đã thành niên và đã có gia đình riêng) và cháu Nguyễn Thảo N , sinh ngày 1/11/2003, chưa thành niên. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà Y yêu cầu được nuôi 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thảo N , sinh năm 2003, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn: hiện nay đồng ý yêu cầu của nguyên đơn do nhận thấy bà với Ông C không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống được với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Y trình bày thống nhất về việc ông bà tự nguyện chung sống với nhau N vợ chồng từ năm 1988 N ng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chính quyền địa phương cũng đã xác nhận thông tin về việc Ông C và bà Y chung sống với nhau từ năm 1988 không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau N vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng….". Việc kết hôn chỉ có giá trị pháp lý nếu được đăng ký theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Hiện nay Ông C yêu cầu được ly hôn với bà Y , bà Y thống nhất yêu cầu của Ông C . Tuy nhiên, do Ông C và bà Y không có đăng ký ký hôn nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 53 luật Hôn nhân gia đình năm 2014, cần tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Y là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Y và Ông C thống nhất trong qua trình chung sống ông bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng N , sinh năm 1989; Nguyễn Thị Huỳnh N , sinh năm 1989 và cháu Nguyễn Thảo N , sinh ngày 01/11/2003. Ông C trình bày khi nộp đơn khởi kiện, ông chỉ nêu vợ chồng có hai con chung là do không hiểu quy định pháp luật nên chỉ kê khai có 02 người con còn chung hộ khẩu thường trú với vợ chồng ông. Về con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thảo N , sinh ngày 01/11/2003, bà Y yêu cầu được nuôi 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thảo N , sinh năm 2003, không yêu cầu Ông C cấp dưỡng. Cháu Nhu có văn bản trình bày nguyện vọng được sống với bà Y trong trường hợp Ông C và bà Y không còn chung sống với nhau. Ông C thống nhất nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình số 52/2014/QH13; các Điều 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Y .

2. Về con chung: Bà Bùi Thị Y trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thảo N , sinh ngày 01/11/2003.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm non con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Ông C đã nộp theo biên lai thu số 0000805, ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TÂN T sang án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện TÂN T ;
- THA huyện TÂN T ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ngọc Ánh